TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆTNAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2019/KDTM-PT.
Ngày 17/6/2019.
"V/v tranh chấp hợp đồng xây dựng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: ông Hoàng Ngọc Thành.

Các Thẩm phán: bà Nguyễn Thị Thúy Hạnh và bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh.

Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thu Huyền- Thư ký Toà án nhân dân TP Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP Hà Nội: bà Nguyễn Thị Kim Thanh- Kiểm sát viên.

Trong ngày 17/6/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân TP Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 53/2019/KTPT ngày 01/4/2019 về việc "tranh chấp hợp đồng xây dựng" do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 19/2018/KDTM-ST ngày 22/11/2018 của Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 144/2019/QĐXX-PT ngày 13/5/2019, giữa:

Nguyên đơn: **Công ty TNHH nội thất SV**

Trụ sở: số ...., ngách 10, ngõ 187 phố HM, phường QL, quận HBT, TP HN; Người đại diện theo pháp luật: ông Trần Danh L- Giám đốc (ông L có mặt tại phiên tòa).

Bị đơn: **Công ty TNHH xây dựng và KT KIV**

Trụ sở: tầng .... Tòa nhà VA phố DT, phường DVH, quận CG, TP HN; Địa chỉ hoạt động hiện nay: biệt thự B..., ngõ .... đường XT, phường DVH, quận CG, TP HN; Người đại diện theo pháp luật: ông Jang JH- Giám đốc; Người đại diện theo ủy quyền: ông Tống Chí C - Trưởng phòng pháp chế (theo văn bản ủy quyền số 2012/2017/UQ-KIV ngày 20/12/2017) (ông C có mặt tại phiên tòa).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Công ty TNHH thương mại và dịch vụ QA**

Trụ sở: đường tỉnh lộ ...., thôn CL, xã LC, huyện YP, tỉnh BN; Người đại diện theo pháp luật: bà Nguyễn Thị Đ- Giám đốc; Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Văn T và ông Trương Quốc A (theo văn bản ủy quyền số 01/2019/UQ- QA ngày 06/6/2019) (ông T, ông A có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Công ty TNHH nội thất SV trình bày:

Công ty TNHH xây dựng và KT KIV (sau đây gọi tắt là bị đơn) và Công ty TNHH nội thất SV (sau đây gọi tắt là nguyên đơn) đã ký kết các Hợp đồng và phụ lục Hợp đồng kinh tế số 01.SV- KIV/HĐKT 2016 ngày 03/02/2016 (sau đây gọi tắt là Hợp đồng số 01), số 03.SV-KIV/HĐKT 2016 ngày 25/03/2016 (sau đây gọi tắt là Hợp đồng số 03), số 06.SV- KIV/HĐKT 2016 ngày 12/4/2016 (sau đây gọi tắt là Hợp đồng số 06) với nội dung cung cấp và thi công, lắp đặt nội thất cho công trình khách sạn J&C Korea Bắc Ninh do bị đơn làm Tổng thầu xây dựng và Công ty TNHH thương mại và dịch vụ QA (sau đây gọi tắt là người liên quan) làm chủ đầu tư.

Quá trình thực hiện các hợp đồng, nguyên đơn đã thực hiện đúng theo các thỏa thuận trong các hợp đồng, phụ lục hợp đồng. Nguyên đơn, bị đơn và người liên quan đã tiến hành nghiệm thu các hạng mục đối với các hợp đồng, cụ thể:

- Biên bản nghiệm thu giá trị, biên bản nghiệm thu khối lượng đợt 1 và bảng khối lượng công việc ngày 16/12/2016 đối với Hợp đồng số 01, tổng giá trị hợp đồng 4.067.147.920 đồng, giá trị thanh toán đợt 1 3.227.845.720 đồng;

- Biên bản nghiệm thu giá trị, biên bản nghiệm thu khối lượng đợt 1 và bảng khối lượng công việc ngày 17/12/2016 đối với Hợp đồng số 03, tổng giá trị hợp đồng là 1.197.500.000 đồng, giá trị thanh toán đợt 1 là 891.179.289 đồng;

- Biên bản nghiệm thu giá trị, biên bản nghiệm thu khối lượng đợt 1, đợt 2 và bảng khối lượng công việc ngày 19/12/2016 đối với Hợp đồng số 06, tổng giá trị hợp đồng là 2.800.556.000 đồng, giá trị thanh toán đợt 1 là 1.883.337.500 đồng, giá trị thanh toán đợt 2 là 543.655.396 đồng.

Sau khi nghiệm thu, nguyên đơn và bị đơn đã ký thanh lý hợp đồng, cụ thể:

- Nguyên đơn và bị đơn đã ký Thanh lý Hợp đồng số 01 và bảng khối lượng công việc ngày 16/12/2016;

- Nguyên đơn và bị đơn đã ký Thanh lý Hợp đồng 03 và bảng khối lượng công việc ngày 17/12/2016;

- Nguyên đơn và bị đơn đã ký Thanh lý Hợp đồng 06 và bảng khối lượng công việc ngày 19/12/2016.

Sau khi việc thi công, lắp đặt hoàn tất, các bên đã lập Biên bản nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng từ tháng 12/2016. Theo các Biên bản thanh lý Hợp đồng, hồ sơ thanh quyết toán, tại thời điểm 31/12/2016, bị đơn còn phải thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền là 2.966.388.161 đồng, trong đó:

- Hợp đồng số 01 với giá trị Hợp đồng là 4.067.147.920 đồng; Giá trị quyết toán là 3.227.845.720 đồng; bị đơn đã thanh toán 1.520.144.376 đồng; Số tiền bị đơn còn phải thanh toán cho nguyên đơn 1.707.701.344 đồng;

- Hợp đồng số 03 với giá trị Hợp đồng là 1.197.500.000 đồng; Giá trị quyết toán là 891.179.289 đồng; bị đơn đã thanh toán 456.829.300 đồng; Số tiền bị đơn còn phải thanh toán cho nguyên đơn là 434.349.989 đồng;

- Hợp đồng số 06 với giá trị Hợp đồng là 2.800.556.000 đồng; Giá trị quyết toán 2.667.674.328 đồng; bị đơn đã thanh toán 1.883.337.500 đồng; Số tiền bị đơn còn phải thanh toán cho nguyên đơn là 784.336.828 đồng;

- Số tiền đặt mua khóa từ theo Biên bản làm việc ngày 29/9/2016 là 40.000.000 đồng.

Ngày 24/01/2017, bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền là 150.000.000 đồng. Như vậy, số công nợ còn lại của bị đơn với nguyên đơn là 2.816.388.161 đồng. Từ đó đến nay, bị đơn đã không thanh toán thêm bất kỳ khoản tiền nào liên quan đến các Hợp đồng, thỏa thuận nêu trên.

Người liên quan, bị đơn và nguyên đơn đều không có bất kỳ tranh chấp, khiếu nại nào về chất lượng, việc bảo hành công trình bằng văn bản liên quan đến việc ký kết, thực hiện hợp đồng này.

Nguyên đơn đã nhiều lần đề nghị bị đơn thanh toán dứt điểm số tiền nợ nhưng đến nay bị đơn vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán, gây thiệt hại nghiêm trọng cho nguyên đơn. Căn cứ theo quy định về bồi thường và phạt vi phạm hợp đồng trong các Hợp đồng, ngoài khoản tiền nợ gốc, bị đơn còn có nghĩa vụ thanh toán tiền lãi chậm thanh toán. Cụ thể:

- Tiền lãi chậm thanh toán từ ngày 24/01/2017 tạm tính đến ngày 24/9/2018 (20 tháng), lãi suất chậm thanh toán được xác định bằng lãi suất quá hạn thấp nhất của Ngân hàng Agribak- Chi nhánh Hoàn Kiếm là 9,5% x 150% = 14,25%/năm đối với khoản chậm thanh toán là 2.816.388.161 đồng x 14,25% x 20 tháng : 12 tháng = 668.892.188 đồng;

- Tại biên bản hòa giải ngày 18/10/2018, nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về yêu cầu thanh toán tiền phạt vi phạm Hợp đồng như trong đơn khởi kiện là 225.311.052 đồng;

- Tổng số tiền nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tạm tính đến ngày 24/9/2018 là nợ gốc 2.816.388.161 đồng, nợ lãi 668.892.188 đồng. Tổng cộng là 3.505.280.349 đồng;

- Phần tiền lãi tính từ ngày 25/9/2018 đến ngày xét xử thì nguyên đơn sẽ trình bày sau.

Tại bản tự khai ngày 21/11/2018, nguyên đơn có trình bày về yêu cầu tính lãi đến ngày mở phiên tòa ngày 22/11/2018 như sau:

Mức lãi suất của tổng số nợ gốc tính đến ngày 22/11/2018 là 21 tháng và 29 ngày:

- 2.816.388.161đồng x 21 tháng x14,25%/12 tháng = 702.336.797 đồng;

- 2.816.388.161đồng x 14,25%/12 tháng x (29 ngày : 30 ngày) = 32.329.789 đồng.

Số tiền giảm trừ lãi suất của số tiền bảo hành 5% giá trị quyết toán được tính như sau:

- Tổng giá trị quyết toán của 03 Hợp đồng 3.227.845.720 đồng + 891.179.289 đồng + 2.667.674.328đồng = 6.786.699.337 đồng.

- Số tiền bảo hành 5% giá trị quyết toán trong thời gian 12 tháng 6.786.699.337 đồng x 5% = 339.334.966 đồng.

- Số tiền lãi suất của số tiền bảo hành 5% trong thời gian 12 tháng mà nguyên đơn không tính lãi quá hạn là: 339.334.966 đồng x 14,25% = 48.356.657 đồng.

Số tiền lãi quá hạn nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán sau khi giảm trừ 702.336.797 đồng + 32.329.789 đồng - 48.356.657 đồng = 686.309.929 đồng.

Tổng nợ gốc và lãi nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tính đến ngày 22/11/2018 là: 2.816.388.161đồng + 686.309.929 đồng = 3.502.698.090 đồng.

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền lãi quá hạn trên số nợ gốc chậm trả theo quy định của pháp luật từ khi xét xử cho đến ngày thanh toán hết số nợ gốc.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Bị đơn có ký các Hợp đồng và phụ lục Hợp đồng số 01, số 03 và số 06 với nguyên đơn đúng như các bản Hợp đồng và phụ lục Hợp đồng nguyên đơn đã nộp cho Tòa án bản sao chứng thực.

Bị đơn có ký Hợp đồng xây dựng với người liên quan làm chủ đầu tư xây dựng công trình khách sạn J&C Korea Bắc Ninh, bị đơn làm Tổng thầu xây dựng.

Nguyên đơn, bị đơn và người liên quan đã tiến hành nghiệm thu các hạng mục đối với các hợp đồng đúng như các Biên bản nghiệm thu giá trị, Biên bản nghiệm thu khối lượng và Bảng khối lượng công việc mà nguyên đơn đã trình bày và nộp các bản

sao công chứng cho Tòa án. Các Biên bản nghiệm thu này đều được 03 bên ký xác nhận và đóng dấu.

Sau khi nghiệm thu, nguyên đơn và bị đơn đã ký thanh lý hợp đồng, cụ thể:

- Nguyên đơn và bị đơn đã ký Thanh lý Hợp đồng số 01 và Bảng khối lượng công việc ngày 16/12/2016;

- Nguyên đơn và bị đơn đã ký Thanh lý Hợp đồng số 03 và Bảng khối lượng công việc ngày 17/12/2016;

- Nguyên đơn và bị đơn đã ký Thanh lý Hợp đồng số 06 và Bảng khối lượng công việc ngày 19/12/2016.

Sau khi việc thi công, lắp đặt hoàn tất, các bên đã lập Biên bản nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng từ tháng 12/2016.

Những chứng cứ về việc tranh chấp, khiếu nại về chất lượng công trình liên quan đến việc ký kết, thực hiện các Hợp đồng trên; việc bảo hành công trình hiện nay bị đơn chưa cung cấp được cho Tòa án.

Bị đơn xác nhận còn nợ nguyên đơn theo các Hợp đồng và phụ lục Hợp đồng số 01, số 03 và số 06 với số tiền nợ gốc là 2.816.388.161 đồng.

Với thiện chí hòa giải, do có khó khăn về tài chính và mong muốn nguyên đơn chia sẻ khó khăn, bị đơn đề nghị nguyên đơn chấp nhận phương án để bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc là 2.816.388.161 đồng, miễn các khoản lãi và bị đơn sẽ trả nợ cho nguyên đơn theo lộ trình như sau:

- 6 tháng đầu bị đơn sẽ thanh toán cho nguyên đơn 500.000.000 đồng.

- 6 tháng sau bị đơn sẽ thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ còn lại là 2.316.388.161 đồng.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Người liên quan là chủ đầu tư công trình khách sạn J&C Korea Bắc Ninh có ký Hợp đồng xây dựng với bị đơn làm Tổng thầu xây dựng.

Bị đơn có thông báo cho người liên quan về việc ký Hợp đồng và Phụ lục Hợp đồng số 01, số 03 và số 06 với nguyên đơn cung cấp và thi công, lắp đặt nội thất cho công trình khách sạn J&C Korea Bắc Ninh.

Nguyên đơn, bị đơn và người liên quan đã tiến hành nghiệm thu các hạng mục đối với các hợp đồng đúng như các biên bản nghiệm thu giá trị, biên bản nghiệm thu khối lượng và bảng khối lượng công việc mà nguyên đơn đã nộp các bản sao công chứng cho Tòa án mà nguyên đơn đã trình bày. Các biên bản nghiệm thu này đều được 03 bên ký xác nhận và đóng dấu.

Người liên quan và bị đơn đã ký thanh lý Hợp đồng với nhau và đã thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán toàn bộ giá trị các hạng mục do nguyên đơn cung cấp và thi công, lắp đặt nội thất công trình khách sạn J&C Korea Bắc Ninh.

Vụ án mà Tòa án đang giải quyết là vụ án tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn liên quan đến vấn đề thanh quyết toán hợp đồng giữa hai đơn vị này. Người liên quan chỉ tham gia với tư cách là Chủ đầu tư của dự án, xác nhận việc có ký nghiệm thu phần hạng mục thi công công trình nội thất cho khách sạn J&C Korea Bắc Ninh, ngoài ra người liên quan không có vai trò gì khác.

Hợp đồng giữa người liên quan và bị đơn là Hợp đồng tổng quát về toàn bộ công trình thi công khách sạn J&C Korea Bắc Ninh chứ không chỉ riêng hạng mục thi công lắp đặt nội thất. Nguyên đơn, bị đơn và người liên quan đều không có bất kỳ tranh chấp, khiếu nại nào về việc ký kết, thực hiện Hợp đồng này.

Các điều khoản của Hợp đồng ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn đều không dẫn chiếu đến Hợp đồng ký với chủ đầu tư. Việc thanh toán của người liên quan cho bị đơn không phải là điều kiện để bị đơn thực hiện nghĩa vụ thanh toán với nguyên đơn.

Vì vậy, các tài liệu mà Tòa án đề nghị người liên quan cung cấp theo Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ số 69/2018/QĐ-CCTLCC ngày 21/9/2018 không có ý nghĩa đối với việc giải quyết vụ án. Người liên quan từ chối cung cấp các tài liệu này. Đề nghị Tòa án căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 19/2018/KDTM - ST ngày 22/11/2018 của Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn. Buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ theo các Hợp đồng và phụ lục Hợp đồng số 01, số 03 và số 06, cụ thể: nợ gốc là 2.816.388.161 đồng, nợ lãi tính đến ngày 22/11/2018 là 686.309.929 đồng. Tổng nợ gốc và lãi 3.502.698.090 đồng.

2. Đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền phạt vi phạm hợp đồng là 225.311.052 đồng.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không đồng ý với Bản án sơ thẩm nêu trên, bị đơn kháng cáo toàn bộ đối với Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm và cho rằng:

- Theo quy định tại Điều 1.3 của các Hợp đồng số 01, số 03 và số 06 quy định các tài liệu của Hợp đồng gồm: các tài liệu sau đây là một phần không thể tách rời của Hợp đồng này, Phụ lục hợp đồng: Các sản phẩm mẫu bên A duyệt trước khi sản xuất hàng loạt 104 phòng; Thiết kế 3D, bản vẽ chi tiết sản phẩm được bên A xác nhận; Biên bản xác nhận vật liệu, mã màu của toàn bộ các sản phẩm giữa hai bên; Các biên bản nghiệm thu hàng hóa giữa hai bên; Các tài liệu khác (nếu có). Tuy nhiên, trong toàn bộ hồ sơ nguyên đơn khởi kiện bị đơn thấy không có các tài liệu: Các sản phẩm mẫu bên A

duyệt trước khi sản xuất hàng loạt 104 phòng; Thiết kế 3D, bản vẽ chi tiết sản phẩm được bên A xác nhận.; Biên bản xác nhận vật liệu, mã màu của toàn bộ các sản phẩm giữa hai bên; Các biên bản nghiệm thu hàng hóa giữa hai bên, do đó chưa có đủ bằng chứng để khởi kiện.

- Trong Biên bản thanh lý các Hợp đồng số 01, số 03 và số 06 tại Điều 5 là điều khoản thanh toán, tại Mục 5.1 hai bên thỏa thuận: Bên A thanh toán 100% giá trị khối lượng nghiệm thu đợt 1 sau khi bên A nhận được hóa đơn giá trị gia tăng và Bảo lãnh bảo hành và nguyên đơn cũng thừa nhận không thực hiện nghĩa vụ làm bảo lãnh bảo hành. Do vậy, điều kiện để bị đơn thực hiện nghĩa vụ thanh toán cũng chưa đến.

Đề nghị Cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn có kháng cáo trình bày: bị đơn nêu lại toàn bộ nội dung và lập luận đã nêu trong Đơn kháng cáo và xác nhận lại số tiền nợ gốc bị đơn còn nợ nguyên đơn là 2.816.388.161 đồng (số tiền này hai bên không có tranh chấp). Đối với số tiền lãi mà nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán, bị đơn cho rằng khi chưa xác định được thời điểm tính lãi (vì nguyên chưa hoàn thiện hồ sơ quyết toán nên bị đơn chưa có nghĩa vụ thanh toán) và một số sản phẩm do nguyên đơn làm có chất lượng không tốt dẫn đến việc bị đơn phải xử lý khắc phục mất thời gian và chi phí sửa chữa, bảo hành. Chủ đầu tư đã phàn nàn về chất lượng công trình do nguyên đơn thi công, tuy nhiên bị đơn không có văn bản yêu cầu nguyên đơn sửa chữa, khắc phục hỏng hóc mà chỉ điện thoại cho nguyên đơn. Đề nghị nguyên đơn chia sẻ khó khăn cùng bị đơn.

Từ những trình bày trên, bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn, bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: về chất lượng công trình, sau khi thi công xong các bên đã ký Biên bản nghiệm thu công trình, xác nhận khối lượng công việc và số tiền các bên còn thiếu. Còn trước khi thi công, nguyên đơn đã phải làm mẫu 3D từng phòng, sau khi bị đơn và chủ đầu tư nhất trí mới thi công nên việc bị đơn trình bày như tại phiên tòa hôm nay là không đúng. Hiện nay số tiền bảo hành bị đơn còn đang giữ của nguyên đơn, sau khi ký Biên bản nghiệm thu công trình bên Chủ đầu tư và bị đơn không có khiếu nại hay thắc mắc gì về chất lượng công trình và công trình khách sạn đã được đưa và khai thác, sử dụng. Do đó, nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Đại diện ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: khách sạn J&C Korea Bắc Ninh do người liên quan làm Chủ đầu tư, hiện nay khách sạn đã được nghiệm thu và đưa vào sử dụng. Các bên đã tiến hành ký Biên bản nghiệm thu và Biên bản thanh lý các hợp đồng xây dựng. Người liên quan đã thanh toán hết tiền xây dựng cho bị đơn. Có một số hạng mục công trình bị hỏng hóc và đã được sửa chữa,

khắc phục, người liên quan không có văn bản yêu cầu nguyên đơn sửa chữa mà chỉ có điện thoại cho nguyên đơn và bị đơn yêu cầu khắc phục.

Tại phiên tòa hôm nay, người liên quan không có tài liệu chứng cứ gì xuất trình thêm cho Hội đồng xét xử và đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP Hà Nội phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: bị đơn kháng cáo trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên kháng cáo của bị đơn là hợp lệ.

Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án từ thủ tục thụ lý vụ án, thời hạn chuẩn bị xét xử và tiến hành phiên tòa. Thư ký đã làm đầy đủ nhiệm vụ và phổ biến nội quy phiên tòa. Tại phiên tòa xét xử phúc thẩm hôm nay, các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật, đã được tranh luận và trình bày căn cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Xét các yêu cầu kháng cáo của bị đơn: trong quá trình các bên ký kết và thực hiện các Hợp đồng xây dựng và tiến hành nghiệm thu các hạng mục công trình, khối lượng công việc đã làm và giá trị xây dựng, số tiền nợ gốc các bên còn phải thanh toán cho nhau. Hiên nay khách sạn J&C Korea Bắc Ninh đã được đưa vào sử dụng và khai thác. Theo Biên bản thanh lý các hợp đồng thì bị đơn còn nợ nguyên đơn 2.816.388.161 đồng và nguyên đơn đã xuất hóa đơn cho bị đơn. Các bên không có tranh chấp về số tiền nợ gốc và không có khiếu nại, thắc mắc nào bằng văn bản về chất lượng công trình, do đó bị đơn có nghĩa vụ phải thanh toán số tiền nợ gốc còn thiếu. Do bị đơn chậm thanh toán tiền nợ gốc cho nguyên đơn nên bị đơn còn phải chịu lãi suất là đúng quy định của pháp luật và Bản án sơ thẩm buộc bị đơn phải trả nợ lãi là đúng nên kháng cáo của bị đơn không có căn cứ để chấp nhận.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu kháng cáo của bị đơn và giữ nguyên Bản án sơ thẩm. Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm và phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, sau khi nghe ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: bị đơn kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Do vậy, kháng cáo của bị đơn là hợp lệ.

Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn: nguyên đơn và bị đơn ký kết các Hợp đồng và phụ lục Hợp đồng với nội dung nguyên đơn cung cấp và thi công, lắp đặt đồ gỗ nội thất, cửa chính khách sạn và lắp đặt trần thạch cao, sơn bả trần tường cho công trình khách

sạn J&C Korea Bắc Ninh tại xã Long Châu, huyện Yên Phong, Bắc Ninh theo các Hợp đồng và phụ lục Hợp đồng số 01, số 03 và số 06. Các Hợp đồng và Phụ lục Hợp đồng đã được người ký hợp đồng của các bên tham gia giao kết hợp đồng đúng thẩm quyền đúng với quy định tại các Điều 138, 139, 140 và 141 Luật xây dựng năm 2014 (sau đây viết tắt là Luật Xây dựng). Đây là các Hợp đồng hợp pháp và có hiệu lực thi hành đối với các bên tham gia giao kết.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ba bên gồm nguyên đơn, bị đơn và người liên quan đã ký các Biên bản làm việc ngày 11/7/2016 về việc thay mẫu sơn tường, Biên bản làm việc ngày 29/9/2016 về việc thay đổi chiều dày tấm trần thạch cao, Biên bản làm việc ngày 29/9/2016 về việc ngừng cung cấp khóa cửa và ngừng thi công hạng mục ván sàn là phù hợp với Điều 143 Luật xây dựng quy định về điều chỉnh hợp đồng xây dựng.

Nguyên đơn, bị đơn và người liên quan đã tiến hành nghiệm thu các hạng mục công trình đối với các Hợp đồng theo các Biên bản nghiệm thu giá trị, Biên bản nghiệm thu khối lượng đợt 1 và Bảng khối lượng công việc ngày 16/12/2016 đối với Hợp đồng số 01; Biên bản nghiệm thu giá trị, Biên bản nghiệm thu khối lượng đợt 1 và Bảng khối lượng công việc ngày 17/12/2016 đối với Hợp đồng số 03; Biên bản nghiệm thu giá trị, Biên bản nghiệm thu khối lượng đợt 1, đợt 2 và Bảng khối lượng công việc ngày 19/12/2016 đối với Hợp đồng số 06.

Sau khi nghiệm thu, nguyên đơn và bị đơn đã ký Thanh lý hợp đồng, cụ thể Thanh lý Hợp đồng số 01 và Bảng khối lượng công việc vào ngày 16/12/2016; Thanh lý Hợp đồng số 03 và Bảng khối lượng công việc vào ngày 17/12/2016; Thanh lý Hợp đồng số 06 và Bảng khối lượng công việc vào ngày 19/12/2016.

Sau khi việc thi công, lắp đặt hoàn tất, các bên đã lập Biên bản nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng từ tháng 12/2016. Theo các Biên bản thanh lý Hợp đồng, hồ sơ thanh quyết toán, tại thời điểm 31/12/2016, bị đơn còn phải thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền là 2.966.388.161 đồng. Các bên tiến hành nghiệm thu, quyết toán và Thanh lý Hợp đồng là hoàn toàn phù hợp với quy định tại các Điều 123 và 147 Luật xây dựng.

Tại các bản Thanh lý Hợp đồng số 01, số 03 và 06 quy định về điều khoản thanh toán như sau: Bên A thanh toán 100% giá trị khối lượng nghiệm thu đợt 1 sau khi bên A nhận được Hóa đơn GTGT và Bảo lãnh bảo hành tương ứng với 5% giá trị quyết toán.

Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện bị đơn đã nhận được toàn bộ Hóa đơn GTGT của nguyên đơn đúng vào ngày phát hành hóa đơn gồm: Hóa đơn số 0000194 ngày 15/6/2016; Hóa đơn số 0000233 ngày 16/12/2016; Hóa đơn số 0000234 ngày 17/12/2016; Hóa đơn số 0000235 ngày 19/12/2016; Hóa đơn số 0000236 ngày 20/12/2016.

Ngày 24/01/2017, bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền là 150.000.000 đồng. Như vậy, số tiền nợ gốc còn lại bị đơn còn nợ nguyên đơn là 2.816.388.161 đồng.

Đến nay, bị đơn đã không thanh toán thêm bất kỳ khoản tiền nào liên quan đến các Hợp đồng, thỏa thuận nêu trên.

Người liên quan, bị đơn và nguyên đơn đều không có bất kỳ tranh chấp, khiếu nại nào về khối lượng, chất lượng, việc bảo hành công trình bằng văn bản liên quan đến việc ký kết, thực hiện các Hợp đồng trên cũng như về vấn đề bảo hành công trình và công trình đã được bàn giao đưa vào sử dụng từ tháng 12/2016. Theo quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Xây dựng, thì Bên giao thầu phải thanh toán đủ giá trị của từng lần thanh toán cho bên nhận thầu sau khi đã giảm trừ tiền tạm ứng, tiền bảo hành công trình theo thỏa thuận hợp đồng, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.

Theo các bản Thanh lý Hợp đồng, thì bị đơn phải thanh toán toàn bộ số tiền còn lại cho nguyên đơn khi nhận được hóa Hóa đơn CTGT và bảo lãnh bảo hành của Ngân hàng tương ứng 5% giá trị quyết toán. Bị đơn đã nhận đủ các Hóa đơn của các Hợp đồng nói trên và cho đến nay vẫn chưa thanh toán số tiền nợ gốc là 2.816.388.161 đồng và số nợ gốc này vượt quá nhiều lần số tiền 5% giá trị quyết toán thực tế là tiền bảo hành công trình theo Hợp đồng. Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại khoản 5 Điều 144 Luật xây dựng.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ và Biên bản hòa giải ngày 18/10/2018, các bên đã thống nhất số tiền nợ gốc của bị đơn còn nợ nguyên dơn theo các Hợp đồng và phụ lục Hợp đồng số 01, số 03 và số 06 là 2.816.388.161 đồng. Tòa án sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán toàn bộ số nợ gốc 2.816.388.161 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 144 Luật Xây dựng.

Xét yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn: tính đến ngày xét xử sơ thẩm thì nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiến lãi là 686.309.929 đồng. Tòa án sơ thẩm đã căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 43 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng, quy định là trường hợp bên giao thầu thanh toán không đúng thời hạn và không đầy đủ theo thỏa thuận trong Hợp đồng thì phải bồi thường cho bên nhận thầu theo lãi suất quá hạn do Ngân hàng thương mại nơi bên nhận thầu mở tài khoản thanh toán công bố tương ứng với các thời kỳ chậm thanh toán. Lãi chậm thanh toán được tính từ ngày đầu chậm thanh toán cho đến khi bên giao thầu đã thanh toán đầy đủ cho bên nhận thầu, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.

Nguyên đơn có tài khoản thanh toán tại Ngân hàng Agribank Chi nhánh Hoàn Kiếm. Theo các thông báo và quyết định về lãi suất cho vay của Ngân hàng Agribank cung cấp cho Tòa án thì mức lãi suất cho vay đối với pháp nhân từ năm 2016 đến nay mức thấp nhất là 9,5%/năm và lãi suất quá hạn = 150% của lãi suất trong hạn. Do vậy, việc nguyên đơn yêu cầu lãi suất quá hạn = 14,25%/năm tính trong toàn bộ quá trình chậm thanh toán của bị đơn là mức lãi suất quá hạn thấp nhất theo quy định của pháp luật, nên Tòa án sơ thẩm chấp nhận là có lợi cho bị đơn và phù hợp với quy định của pháp luật.

Số tiền lãi của 5% giá trị công trình được bảo hành sẽ không được tính trong thời hạn 01 năm bảo hành theo Hợp đồng từ tháng 12/2016 đến tháng 12/2017, nguyên đơn trừ số tiền lãi của số tiền bảo hành là phù hợp với quy định của pháp luật.

Tòa án sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu tính lãi của nguyên đơn cho đến ngày xét xử sơ thẩm với số tiền 686.309.929 đồng là có căn cứ pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn đã rút một phần yêu cầu khởi kiện về yêu cầu thanh toán tiền phạt vi phạm Hợp đồng nêu trong đơn khởi kiện là 225.311.052 đồng, Tòa án sơ thẩm đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phạt vi phạm hợp đồng của nguyên đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự là đúng quy định của pháp luật.

Tại cấp phúc thẩm bị đơn không xuất trình được các tài liệu chứng cứ gì mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, cần giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Đối với phần tuyên bị đơn phải chịu lãi trên số tiền nợ gốc (theo yêu cầu của nguyên đơn) kể từ ngày kế tiếp sau ngày xét xử sơ thẩm, Bản án sơ thẩm tuyên chưa chính xác, cần sửa lại cho đúng quy định của pháp luật.

Về án phí: do yêu cầu kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Các điều 293, 294 và 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 138, 139, 141, 143, 144, 146 và 147 Luật xây dựng năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH xây dựng và kỹ thuật KIV. Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 19/2018/KDTM-ST ngày 22/11/2018 của Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH nội thất SV. Buộc Công ty TNHH xây dựng và KT KIV phải trả cho Công ty TNHH nội thất SV số tiền còn nợ theo các Hợp đồng và phụ lục Hợp đồng kinh tế số 01.SV-KIV/HĐKT 2016 ngày 03/02/2016, số 03.SV-KIV/HĐKT 2016 ngày 25/03/2016 và số 06.SV-KIV/HĐKT 2016 ngày 12/4/2016, cụ thể:

- Tiền nợ gốc là 2.816.388.161 (hai tỷ tám trăm mười sáu triệu ba trăm tám mươi tám nghìn một trăm sáu mươi mốt) đồng;

- Tiền nợ lãi tính đến ngày 22/11/2018 là 686.309.929 (sáu trăm tám mươi sáu triệu ba trăm linh chín nghìn chín trăm hai mươi chín) đồng;

- Tổng cộng nợ gốc và lãi là 3.502.698.090 (ba tỷ năm trăm linh hai triệu sáu trăm chín mươi tám nghìn không trăm chín mươi) đồng.

3. Đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH nội thất SV yêu cầu Công ty TNHH xây dựng và KT KIV thanh toán số tiền phạt vi phạm hợp đồng là 225.311.052 (hai trăm hai mươi lăm triệu ba trăm mười một nghìn không trăm năm mươi hai) đồng.

4. Về án phí:

- Công ty TNHH xây dựng và KT KIV phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 102.053.961 (một trăm linh hai triệu không trăm năm mươi ba nghìn chín trăm sáu mươi mốt) đồng và 2.000.000 (hai triệu) đồng án phí phúc thẩm. Xác nhận Công ty TNHH xây dựng và KT KIV đã nộp 2.000.000 (hai triệu) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 6671 ngày 16/01/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Cầu Giấy;

- Hoàn trả cho Công ty TNHH nội thất SV số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 49.140.000 (bốn mươi chín triệu một trăm bốn mươi nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 5317 ngày 16/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cầu Giấy.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, Công ty TNHH xây dựng và KT KIV còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc theo mức lãi quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm xử công khai và có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TP Hà Nội;
- TAND quận Cầu Giấy;
- Chi cục THA dân sự quận Cầu Giấy;
- Lưu HS, VP, HCTP, TKT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Ngọc Thành